

Số: ~~4879~~/BKHĐT-KTHT

V/v xây dựng kế hoạch phát triển
kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 quy định: “Hàng năm, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã để tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã) tổng hợp và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chung của cả nước”;

Tại mục C.I.2.a) Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương: “Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương”.

Căn cứ quy định trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là bộ, ngành, địa phương) xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 (Đề cương kèm theo) để tích hợp vào dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chung của cả nước. Báo cáo bằng văn bản gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/7/2023 (bản mềm báo cáo gửi về địa chỉ cucphtx@mpi.gov.vn) để tổng hợp, báo cáo.



Đối với các bộ, ngành, địa phương có nhu cầu hỗ trợ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương, đề nghị lập dự toán ngân sách thực hiện các nhiệm vụ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 124/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Bộ Tài chính (để p/h);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, HTX **N8**

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thành Trung

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

(Kèm theo công văn số **4879** /BKHĐT-KTHT ngày **23** tháng **6** năm 2023
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về phát triển kinh tế, hợp tác xã, trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đánh giá các kết quả đạt được theo các nội dung chủ yếu sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2023

1. Đánh giá dựa trên các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (HTX, LH HTX, THT)

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí, chỉ rõ nguyên nhân của những biến động tăng/giảm các chỉ tiêu, cụ thể sau:

- Tổng số HTX, LH HTX, THT (trong đó nêu rõ: số lượng đang hoạt động, ngừng hoạt động, thành lập mới, giải thể, phá sản của mỗi loại); so với mục tiêu kế hoạch năm 2023; Số HTX chưa chuyển đổi, đăng ký lại HTX, LH HTX theo Luật HTX năm 2012 (nêu rõ nguyên nhân chưa chuyển đổi, đăng ký lại).

- Doanh thu bình quân của HTX, LH HTX, THT (trong đó bao gồm doanh thu đối với thành viên và doanh thu đối với thị trường bên ngoài thành viên); so với mục tiêu kế hoạch năm 2023.

- Lãi bình quân HTX, LH HTX, THT; so với mục tiêu kế hoạch năm 2023.

- Số HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả (theo Luật HTX năm 2012, hoạt động kinh doanh có lãi, thực hiện các nghĩa vụ của một tổ chức kinh tế đối với Nhà nước, thành viên, người lao động theo quy định hiện hành; đem lại lợi ích tối đa cho thành viên...)

b) Về thành viên, lao động của HTX, LH HTX, THT

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí, chỉ rõ nguyên nhân của những biến động tăng/giảm các chỉ tiêu, cụ thể sau:

- Tổng số thành viên của HTX, LH HTX, THT (trong đó nêu rõ: số lượng thành viên mới gia nhập, rút khỏi của mỗi loại); so với mục tiêu kế hoạch năm 2023;

- Tổng số lao động làm việc thường xuyên¹ trong HTX, LH HTX, THT (trong đó nêu rõ số lao động đồng thời là thành viên của mỗi loại); so với mục tiêu kế hoạch năm 2023;

- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX, LH HTX, THT; so với mục tiêu kế hoạch năm 2023.

c) Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí cụ thể sau:

- Tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT;

- Tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT đạt trình độ sơ cấp, trung cấp; so với tổng số cán bộ HTX, LH HTX, THT và so với mục tiêu kế hoạch năm 2023;

- Tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT đạt trình độ cao đẳng, đại học; so với tổng số cán bộ HTX, LH HTX, THT và so với mục tiêu kế hoạch năm 2023.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

Đánh giá theo các lĩnh vực: nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng; tín dụng; thương mại; vận tải và lĩnh vực khác. Phân tích và làm rõ chất lượng tăng trưởng của từng lĩnh vực; khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu; khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Đối với mỗi lĩnh vực cần đánh giá dựa trên các tiêu chí:

- Số lượng HTX, LH HTX, THT, trong đó nêu rõ số lượng đang hoạt động và ngừng hoạt động của mỗi loại.

- Số lượng thành viên tham gia.

- Số lượng lao động làm việc thường xuyên (trong đó có số lượng lao động đồng thời là thành viên).

- Doanh thu bình quân của HTX, LH HTX, THT (trong đó có doanh thu đối với thành viên và doanh thu đối với thị trường bên ngoài thành viên).

- Lãi bình quân của HTX, LH HTX, THT.

- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên HTX, LH HTX, THT.

3. Đánh giá tác động của HTX, LH HTX, THT tới thành viên, kinh tế hộ thành viên (về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội)

4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ (KTTT, HTX)

1. Kết quả thực thi pháp luật và các văn bản về KTTT, HTX

¹ Là lao động không xác định thời hạn, không tính lao động ngắn hạn và lao động thời vụ

2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi hợp tác xã

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo về kết quả triển khai hỗ trợ phát triển hợp tác xã với các nội dung cụ thể như sau:

- Chính sách hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT: Số lượt cán bộ hợp tác xã, thành viên tham gia bồi dưỡng, tổng kinh phí hỗ trợ. Tình hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX (số người, thời gian, tổng kinh phí hỗ trợ).

- Chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT

- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chế biến sản phẩm: số dự án, tổng vốn phân bổ.

- Các chính sách hỗ trợ khác: giao đất, cho thuê đất; chính sách ưu đãi về tín dụng; tiếp cận Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Bảo hiểm xã hội...

Đánh giá vai trò, vị trí của KTTT, HTX trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và trong xây dựng nông thôn mới nói riêng. Nêu những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

4. Kết quả, tình hình thực hiện các Đề án

Các bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả, tình hình thực hiện các Chương trình, Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được phê duyệt và giao chủ trì thực hiện.

5. Hợp tác quốc tế về KTTT

Đánh giá kết quả về sự hỗ trợ, giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế trong việc phát triển kinh tế tập thể về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thông tin tư vấn, vốn đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ SƠ KẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021-2030

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đánh giá sơ kết tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021), bao gồm:

- Bối cảnh triển khai thực hiện;
- Các kết quả đạt được (trong đó có công tác chỉ đạo, tổ chức và phối hợp thực hiện²); Dự kiến việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu.
- Tồn tại, hạn chế;
- Nguyên nhân (nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan);
- Đề xuất, kiến nghị

Trong đó:

1. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương báo cáo tình hình thực hiện theo ngành, lĩnh vực phụ trách.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo thêm về tình hình thực hiện các chỉ tiêu đến năm 2025: (1) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp để phấn đấu đến năm 2025 cả nước có trên 3.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với nông sản và (2) Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 35% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động thực hiện các Quyết định trên.

² Ghi rõ các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2024

I. MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

1. Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 phải đặt trong kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của địa phương; Phù hợp với Chiến lược Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021), Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021) và các chương trình, kế hoạch triển khai của bộ, ngành, địa phương để triển khai chiến lược, kế hoạch nêu trên.

2. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phải xuất phát từ nhu cầu chung thực tế của các thành viên trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, trên mọi vùng lãnh thổ; phải theo đúng các giá trị và các nguyên tắc cơ bản của HTX.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch phải khả thi, phù hợp với kết quả, tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2023 và phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch dài hạn của địa phương. Ngoài các chỉ tiêu số lượng, cần chú trọng các chỉ tiêu phản ánh chất lượng, hiệu quả.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn

Dự báo những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển KTTT; những thuận lợi, khó khăn tác động đến khu vực KTTT, HTX.

2. Định hướng chung về phát triển KTTT, HTX

Căn cứ mục tiêu tổng quát, các bộ, ngành, địa phương xác định định hướng chung phát triển kinh tế tập thể năm 2024 về các mặt: đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động của HTX, LH HTX, THT; thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết với hợp tác xã: hoàn thiện khung pháp lý về hợp tác xã, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực kinh tế tập thể phát triển.

3. Mục tiêu tổng quát

Khuyến khích phát triển mới các tổ chức kinh tế tập thể, đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động; hỗ trợ phát triển các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, trở thành kiểu mẫu để nhân rộng và thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết với hợp tác xã; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng môi trường hoạt động, sản xuất kinh doanh lành mạnh, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các thành viên.

4. Một số mục tiêu cụ thể

Căn cứ mục tiêu tổng quát, định hướng chung về phát triển KTTT, các Bộ, ngành, địa phương cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Bộ, ngành, địa phương mình về phát triển KTTT, chủ yếu tập trung theo các vấn đề sau:

- Các chỉ tiêu định hướng phát triển: Số lượng HTX, LH HTX, THT; số lượng thành viên HTX, LH HTX, THT; doanh thu bình quân của HTX, LH HTX, THT; thu nhập bình quân của người lao động trong HTX, LH HTX, THT; tỉ lệ cán bộ HTX đạt trình độ sơ, trung cấp, cao đẳng, đại học.

- Xác định tiềm năng về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, địa bàn của khu vực KTTT trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của khu vực này phù hợp với đặc điểm kinh tế, tự nhiên, xã hội của ngành, địa phương mình.

- Xác định những chỉ tiêu hoạt động của khu vực KTTT: tăng năng suất, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, nâng cao năng lực hoạt động của các HTX; cải thiện đời sống thành viên và cộng đồng; tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, tăng cường tinh đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích lâu dài giữa các thành viên HTX, LH HTX, THT.

- Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã.

5. Các giải pháp phát triển kinh tế tập thể năm 2024

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ điều kiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển KTTT, HTX.

6. Nguồn vốn thực hiện

- Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo tình hình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ năm 2023 (nếu có).

- Đăng ký nhu cầu vốn sự nghiệp và nhu cầu vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024 theo Phụ lục III, IV kèm theo.

- Đối với nhu cầu kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, đề nghị gửi kèm dự toán chi tiết về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đồng gửi Bộ Tài chính) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 và Thông tư số 124/TT-BTC ngày 30/12/2021. Các nhiệm vụ chi phải phù hợp với Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 và không trùng lặp với các chương trình, dự án khác (đặc biệt các chương trình mục tiêu quốc gia); các mục chi phải có căn cứ cụ thể theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính; Phụ lục dự toán chi tiết kèm theo phải bảo đảm thể thức theo quy định (có dấu treo và ghi rõ kèm theo văn bản, báo cáo của bộ, ngành, địa phương).



Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo công văn số 4879/BKHĐT-KTHT ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2022 | Năm 2023 | | | Kế hoạch năm 2024 |
|-----------|--|-------------|--------------------|----------|-------------------|------------------|-------------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện 6 tháng | Ước thực hiện cả | |
| I | Hợp tác xã | | | | | | |
| 1 | Tổng số hợp tác xã | HTX | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số hợp tác xã đang hoạt động | HTX | | | | | |
| | Số hợp tác xã thành lập mới | HTX | | | | | |
| | Số hợp tác xã giải thể | HTX | | | | | |
| | Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*) | HTX | | | | | |
| | Số HTX ứng dụng công nghệ cao | HTX | | | | | |
| | Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị | HTX | | | | | |
| | Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần | HTX | | | | | |
| | Số HTX có thành viên là doanh nghiệp | HTX | | | | | |
| | Số HTX có thành viên là người nước ngoài | HTX | | | | | |
| | Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới | Xã | | | | | |
| 2 | Tổng số thành viên hợp tác xã | Người | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số thành viên mới | Thành viên | | | | | |
| | Số thành viên ra khỏi hợp tác xã | Thành viên | | | | | |
| 3 | Tổng số lao động thường xuyên trong HTX | Người | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số lao động thường xuyên mới | Người | | | | | |
| | Số lao động thường xuyên là thành viên HTX | Người | | | | | |
| 4 | Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã | Người | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp | Người | | | | | |
| | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên | Người | | | | | |
| 5 | Doanh thu bình quân một hợp tác xã | Tr đồng/năm | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> Doanh thu của hợp tác xã với thành viên | Tr đồng/năm | | | | | |
| 6 | Lãi bình quân một hợp tác xã | Tr đồng/năm | | | | | |
| 7 | Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã | Tr đồng/năm | | | | | |
| II | Liên hiệp hợp tác xã | | | | | | |
| 1 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã | LH HTX | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động | LH HTX | | | | | |
| | Số liên hiệp HTX thành lập mới | LH HTX | | | | | |
| | Số liên hiệp HTX giải thể | LH HTX | | | | | |
| | Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần | LH HTX | | | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2022 | Năm 2023 | | | Kế hoạch năm 2024 |
|------------|--|-------------|--------------------|----------|-------------------|------------------|-------------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện 6 tháng | Ước thực hiện cả | |
| 2 | Tổng số hợp tác xã thành viên | HTX | | | | | |
| 3 | Tổng số lao động trong liên hiệp HTX | Người | | | | | |
| 4 | Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX | Tr đồng/năm | | | | | |
| 5 | Lãi bình quân của một liên hiệp HTX | Tr đồng/năm | | | | | |
| III | Tổ hợp tác | | | | | | |
| 1 | Tổng số tổ hợp tác | THT | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn | THT | | | | | |
| 2 | Tổng số thành viên tổ hợp tác | Thành viên | | | | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| | Số thành viên mới thu hút | Thành viên | | | | | |
| 3 | Doanh thu bình quân một tổ hợp tác | Tr đồng/năm | | | | | |
| 4 | Lãi bình quân một tổ hợp tác | Tr đồng/năm | | | | | |

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo công văn số **4875/BKHĐT-KTHT** ngày **23** tháng **6** năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2022 | Năm 2023 | | | Kế hoạch năm 2024 |
|----------|--|-------------|--------------------|----------|-------------------|----------------------|-------------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện 6 tháng | Ước thực hiện cả năm | |
| 1 | HỢP TÁC XÃ | | | | | | |
| | Tổng số hợp tác xã | HTX | | | | | |
| | Chia ra: | | | | | | |
| | Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp | HTX | | | | | |
| | Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | HTX | | | | | |
| | Hợp tác xã xây dựng | HTX | | | | | |
| | Hợp tác xã tín dụng | HTX | | | | | |
| | Hợp tác xã thương mại | HTX | | | | | |
| | Hợp tác xã vận tải | HTX | | | | | |
| | Hợp tác xã khác | HTX | | | | | |
| 2 | LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ | | | | | | |
| | Tổng số LH hợp tác xã | LHHTX | | | | | |
| | Chia ra: | | | | | | |
| | LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp | LHHTX | | | | | |
| | LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | LHHTX | | | | | |
| | LH hợp tác xã xây dựng | LHHTX | | | | | |
| | LH hợp tác xã tín dụng | LHHTX | | | | | |
| | LH hợp tác xã thương mại | LHHTX | | | | | |
| | LH hợp tác xã vận tải | LHHTX | | | | | |
| | LH hợp tác xã khác | LHHTX | | | | | |
| 3 | TỔ HỢP TÁC | | | | | | |
| | Tổng số tổ hợp tác | THT | | | | | |
| | Chia ra: | | | | | | |
| | Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp | THT | | | | | |
| | Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | THT | | | | | |
| | Tổ hợp tác xây dựng | THT | | | | | |
| | Tổ hợp tác tín dụng | THT | | | | | |
| | Tổ hợp tác thương mại | THT | | | | | |
| | Tổ hợp tác vận tải | THT | | | | | |
| | Tổ hợp tác khác | THT | | | | | |



Phụ lục III

NHU CẦU YON SỬ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

(Kèm theo công văn số 4873/BKHĐT-KTHT ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Chi tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | | | Kế hoạch 2024 | | Ghi chú |
|------------|--|-------------|----------------|-------------------|-----------|---------------|--------------------------|---------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện 6 tháng | Thực hiện | Kế hoạch | Dự kiến đơn vị thực hiện | |
| I | NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG | | | | | | | |
| 1 | Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT | | | | | | | |
| 1.1 | Đào tạo | | | | | | | |
| | - Số người được cử đi đào tạo | Người | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 1.2 | Bồi dưỡng | | | | | | | |
| | - Số người được tham gia bồi dưỡng | Người | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 2 | Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT | | | | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường | | | | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ) | Tr đồng | | | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | | | Kế hoạch 2024 | | Ghi chú |
|------------|--|---------------|----------------|-------------------|-----------|---------------|--------------------------|---------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện 6 tháng | Thực hiện | Kế hoạch | Dự kiến đơn vị thực hiện | |
| II | NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | |
| 1 | Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã | | | | | | | |
| | - Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ | HTX, LHHTX | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 2 | Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT | | | | | | | |
| 2.1 | Đào tạo | | | | | | | |
| | - Số người được cử đi đào tạo | Người | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 2.2 | Bồi dưỡng | | | | | | | |
| | - Số người được tham gia bồi dưỡng | Người | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 3 | Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT | | | | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường | | | | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | | | | |
| | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr đồng | | | | | | |
| 5 | Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ) | | | | | | | |



Phụ lục IV

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

(Kèm theo công văn số 480/BKHĐT-KTHT ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Tổng mức đầu tư | | Thực hiện 2023 | | | Kế hoạch 2024 | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|---------------|----------------|---------------------------|----------------------|---------------|---------|
| | | Tổng số | Trong đó NSNN | Kế hoạch | Thực hiện 6 tháng đầu năm | Ước thực hiện cả năm | | |
| I | NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG | | | | | | | |
| 1 | Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn | | | | | | | |
| 1.1 | Dự án.... | | | | | | | |
| | Dự án.... | | | | | | | |
| 2 | Dự án thuộc Chương trình MTQG... | | | | | | | |
| 1.1 | Dự án.... | | | | | | | |
| II | NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | |
| 1 | Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn | | | | | | | |
| 1.1 | Dự án.... | | | | | | | |
| 1.2 | Dự án.... | | | | | | | |
| 2 | Dự án thuộc Chương trình MTQG... | | | | | | | |
| 1.1 | Dự án.... | | | | | | | |